TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thu Hương;
2. Ông Lương Tuất Mạnh.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị N H Y sinh năm 1995.
Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Anh N C T sinh năm 1993.
Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị N H Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N C T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng cho đến ngày 01 tháng 4 năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã P N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến ngày 22 tháng 11 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không đồng quan điểM T1rong hôn nhân, anh T thường xuyên đi chơi bời, uống rượu, không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với con cái, ngoài ra anh T còn ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau, anh T đi làM T1hợ sửa chữa máy theo công trình chị muốn đi cùng nhưng anh T không đồng ý, do mâu thuẫn mà vợ chồng đã sống ly thân hẳn với nhau từ năm 2020 cho đến nay, chị đi làm nghề trông trẻ tại thành phố Lào Cai và ở luôn tại đó còn anh T làm nghề sửa chữa máy nơi ở không ổn định, thỉnh thoảng anh

T vẫn về nhà thăm gia đình. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh N C T.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Chị và anh T có một con chung tên là N M T1 sinh ngày 07/3/2014 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng T1, ban đầu chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu số tiền 2.000.000 đồng/ 1 tháng nhưng sau đó chị thay đổi chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi T1 số tiền 1.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi T1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay, không vay nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn, còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, kinh tế gia đình gặp khó khăn đã dẫn đến cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hai vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã được hai năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị Y đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Y.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có một con chung, cháu tên là N M T1 sinh ngày 07/3/2014 cháu khoẻ mạnh phát triển bình thường, khi ly hôn anh có nguyện vọng để chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi T1 số tiền 1.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi T1 đủ 18 tuổi. Cả anh và chị Y đều có việc làm và thu nhập.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án tiến hành hoà giải nhưng bị đơn T vắng mặt nên Toà án không tiền hành hoà giải được vụ án, tại phiên toà bị đơn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Y kiện ly hôn anh T, anh T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án mở phiên toà xét xử vụ án nhưng anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự toà án án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Y và anh T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/4/2014 tại UBND xã P N, huyện B; vào thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc Chị Y kiện ly hôn anh T, Tòa án xét thấy:

Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc từ khi về

chung sống với nhau cho đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, kinh tế gia đình gặp khó khăn đã dẫn đến cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, do mâu thuẫn mà vợ chồng đã sống ly thân với nhau đến nay đã hai năm, điều đó chứng tỏ hôn nhân của anh chị không khắc phục được, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân với nhau đã hai năm không còn quan tâm đến nhau. Do vậy việc Chị Y kiện ly hôn với anh T là có căn cứ, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Y nhưng không có mặt để tham gia hoà giải. Xét thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N H Y được ly hôn với anh N C T.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Chị Y và anh T đều thừa nhận có 01 con chung là cháu tên là N M T1 sinh ngày 07/3/2014 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, khi ly hôn nguyện vọng của chị Y là được trực tiếp nuôi dưỡng T1 và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/ 1 tháng.

Hiện chị Y làm nghề trông trẻ, anh T làm nghề thợ sửa máy cả hai bên đều có thu nhập, nguyện vọng của cháu T1 là được trực tiếp ở cùng mẹ, anh T cũng đồng ý để cháu T1 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn; xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần và về lâu dài của con. Vì những căn cứ trên nên xử giao cháu N M T1 cho chị N H Y được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*:

Chị Y yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi T1 số tiền 1.000.000 đồng/ 1 tháng, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi M T1 số tiền theo yêu cầu của chị Y. Xét thấy cả Chị Y và anh T đều có việc làm và có thu nhập, việc anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T1 số tiền trên là đảm bảo, phù hợp nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị N H Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh N C T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị N H Y được ly hôn với anh N C T.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Xử giao cháu N M T1 sinh ngày 07/3/2014 cho chị N H Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh N C T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi T1 số tiền 1.000.000 (một triệu đồng)/ 1 tháng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án

có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị N H Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003009 ngày 02/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị N H Y đã nộp đủ tiền án phí.

Anh N C T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã P N, H. B, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng